



Chương trình Bảo vệ Tiền lương
Mẫu 3508: Đơn xin Xoá nợ Khoản vay, Sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 2021

Số Kiểm soát OMB: 3245-0407
 Ngày hết hạn: 31/01/2022
 148 - Vietnamese - Tiếng Việt

Mẫu đơn Tính toán Xoá nợ Khoản vay PPP

Tên Pháp lý của Doanh nghiệp ("Bên vay")		Tên hoạt động (DBA) hoặc Tên thương mại, nếu có	
Địa chỉ Doanh nghiệp	Mã NAICS	TIN Doanh nghiệp (EIN, SSN, ITIN)	Số điện thoại Doanh nghiệp
			() -
		Người liên hệ Chính	Địa chỉ email

Khoản vay PPP Đợt Một **Khoản vay PPP Đợt Hai** (chọn một)

Số Tham chiếu khoản vay PPP của SBA: _____ **Số Tham chiếu khoản vay PPP của Bên cho vay:** _____

Số tiền vay PPP: _____ **Ngày giải ngân của Khoản vay PPP:** _____

Số tiền Gia tăng Khoản vay PPP (nếu có): _____ **Ngày Gia tăng Khoản vay PPP (nếu có):** _____

Số lượng Người lao động tại Thời điểm Nộp đơn Xin vay: _____

Số lượng Người lao động tại Thời điểm Nộp đơn Xin xoá nợ Khoản vay: _____

Kỳ hạn Cho vay: _____ đến _____

Tính toán Số tiền Xoá nợ:

Chi phí Tiền lương và Phi tiền lương

Dòng 1. Chi phí Tiền lương (điền số tiền từ dòng 10 Phụ lục A của PPP): _____

Dòng 2. Các khoản Thanh toán lãi Thế chấp Doanh nghiệp: _____

Dòng 3. Các khoản Thanh toán Thuê hoạt động hoặc Thuê tài chính Doanh nghiệp: _____

Dòng 4. Các khoản Thanh toán Tiềm ích Doanh nghiệp: _____

Dòng 5. Chi phí Hoạt động được Hỗ trợ: _____

Dòng 6. Chi phí Thiệt hại Tài sản được Hỗ trợ: _____

Dòng 7. Chi phí Nhà cung cấp được Hỗ trợ: _____

Dòng 8. Chi phí Bảo vệ Người lao động được Hỗ trợ: _____

Điều chỉnh cho Toàn thời gian Tương đương (FTE) và Giảm lương/Giảm lương Theo giờ

Dòng 9. Tổng mức Giảm lương/Tiền công Theo giờ (điền số tiền ở dòng 3 Phụ lục A của PPP): _____

Dòng 10. Cộng các khoản tiền ở các dòng từ 1 và 8, sau đó trừ đi số tiền đã điền ở dòng 9: _____

Dòng 11. Thương số Giảm FTE (điền số ở dòng 13 Phụ lục A của PPP): _____

Số tiền Xoá nợ Tiềm năng

Dòng 12. Tổng số đã điều chỉnh (nhân dòng 10 với dòng 11): _____

Dòng 13. Số tiền vay PPP: _____

Dòng 14. Yêu cầu 60% số tiền nợ dành cho Chi phí Tiền lương (chia dòng 1 cho 0.60): _____

Số tiền Xoá nợ

Dòng 15. Số tiền Xoá nợ (điền số nhỏ nhất trong số các dòng 12, 13 và 14): _____



Chương trình Bảo vệ Tiền lương
Mẫu 3508: Đơn xin Xóa nợ Khoản vay, Sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 2021

Thông tin Nhân khẩu học của Bên vay PPP (Không bắt buộc)

Hướng dẫn

- Mục đích.** Dữ liệu về cựu chiến binh/giới tính/chủng tộc/sắc tộc chỉ được thu thập cho mục đích báo cáo của chương trình.
- Mô tả.** Mẫu đơn này yêu cầu thông tin về từng Người ủy nhiệm của Bên vay. Thêm tờ bổ sung nếu cần thiết.
- Định nghĩa về Người ủy nhiệm.** Thuật ngữ “Người ủy nhiệm” có nghĩa là:
 - Đối với một cá nhân kinh doanh, một nhà thầu độc lập hoặc một doanh nghiệp cá thể thì đó chính là cá nhân tự kinh doanh, nhà thầu độc lập hoặc chủ sở hữu duy nhất đó.
 - Đối với một công ty hợp danh thì đó là tất cả các thành viên hợp danh và tất cả các thành viên góp vốn sở hữu 20% vốn cổ phần của Bên vay hoặc bất kỳ đối tác nào có liên quan đến việc quản lý doanh nghiệp của Bên vay.
 - Đối với một công ty thì đó là tất cả những người sở hữu từ 20% trở lên của Bên vay, và mỗi nhân viên và giám đốc.
 - Đối với một công ty trách nhiệm hữu hạn thì đó là tất cả những người sở hữu từ 20% trở lên của Bên vay, và mỗi nhân viên và giám đốc.
 - Bất kỳ cá nhân nào được Bên vay thuê để quản lý các hoạt động hàng ngày của Bên vay ("người lao động chủ chốt").
 - Bất kỳ người ủy thác nào (nếu Bên vay được sở hữu bởi một ủy thác).
 - Đối với một tổ chức phi lợi nhuận thì đó là các nhân viên và giám đốc của Bên vay.
- Tên của Người ủy nhiệm.** Điền tên đầy đủ của Người ủy nhiệm.
- Chức danh của Người ủy nhiệm.** Xác định vị trí của Người ủy nhiệm; ví dụ, cá nhân tự kinh doanh; nhà thầu độc lập; doanh nghiệp cá thể; thành viên hợp danh; chủ sở hữu; nhân viên; giám đốc; thành viên; hoặc người lao động chủ chốt.

Tên Người ủy nhiệm	Chức danh của Người ủy nhiệm
	Chọn câu trả lời bên dưới:
Cựu chiến binh	<input type="checkbox"/> Không phải Cựu chiến binh; <input type="checkbox"/> Cựu chiến binh; <input type="checkbox"/> Cựu chiến binh Khuyết tật; <input type="checkbox"/> Vợ/chồng của Cựu chiến binh; <input type="checkbox"/> Không Tiết lộ
Giới tính	<input type="checkbox"/> Nam; <input type="checkbox"/> Nữ; <input type="checkbox"/> Không tiết lộ
Chủng tộc (có thể chọn nhiều hơn 1)	<input type="checkbox"/> Người Anh-điêng hoặc người Alaska bản địa; <input type="checkbox"/> Người Châu Á; <input type="checkbox"/> Người da màu hoặc người Mỹ gốc Phi; <input type="checkbox"/> Người Hawaii bản địa hoặc người đảo Thái Bình Dương; <input type="checkbox"/> Người Da Trắng; X=Không tiết lộ
Sắc tộc	<input type="checkbox"/> Tây Ban Nha hoặc La-tinh <input type="checkbox"/> Không phải Tây Ban Nha hoặc La-tinh <input type="checkbox"/> Không tiết lộ

Việc tiết lộ là tự nguyện và sẽ không ảnh hưởng đến quyết định xóa nợ cho khoản vay

Bảng cách Ký tên Bên dưới, Quý vị sẽ Tuyên bố và Chứng nhận với Tư cách của Bên vay như sau:

Đại diện ủy quyền của Bên vay xác nhận cho toàn bộ phần bên dưới bằng cách **ký nháy** vào từng trang. Các thuật ngữ “tiền lương” và “chi phí tiền lương” được sử dụng trong những nội dung xác nhận dưới đây bao gồm chi phí chủ sở hữu (chi phí kinh doanh cộng với thù lao của chủ sở hữu) đối với những Bên vay đã đăng ký khoản vay bằng cách sử dụng Mẫu 2483-C hoặc 2483-SD-C của SBA.

- _____ Số tiền được đề nghị xóa nợ (không vượt quá số tiền gốc của khoản vay PPP):
- đã được sử dụng để thanh toán các chi phí kinh doanh và đủ điều kiện để được xóa nợ (chi phí trả lương để giữ chân nhân viên; thanh toán lãi vay thế chấp kinh doanh; tiền thuê doanh nghiệp; thanh toán tiện ích kinh doanh; chi phí hoạt động được hỗ trợ; chi phí thiệt hại tài sản được hỗ trợ; chi phí nhà cung cấp được hỗ trợ; hoặc chi phí bảo vệ người lao động được hỗ trợ);
 - bao gồm tất cả các khoản giảm được áp dụng do giảm số lượng người lao động tương đương toàn thời gian và giảm lương/giảm lương theo giờ;
 - bao gồm chi phí tiền lương bằng ít nhất 60% số tiền xóa nợ;
 - đối với bất kỳ nhân viên có quyền chủ sở hữu nào (có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên) hoặc cá nhân tự kinh doanh/thành viên hợp danh, không vượt quá giá trị 2.5 tháng tiền thù lao nhận được trong năm dùng để tính số tiền cho vay PPP, tổng số giới hạn ở mức \$20,833 mỗi cá nhân trên tất cả các doanh nghiệp.
- _____ Tôi hiểu rằng nếu các khoản tiền được sử dụng cố ý cho mục đích trái phép, chính quyền liên bang có thể thu hồi số tiền nợ và/hoặc truy cứu trách nhiệm dân sự hoặc hình sự.
- _____ Bên vay đã xác minh chính xác các khoản thanh toán cho chi phí tiền lương và phi tiền lương đủ điều kiện mà đang được Bên vay yêu cầu xóa nợ.



Chương trình Bảo vệ Tiền lương
Mẫu 3508: Đơn xin Xóa nợ Khoản vay, Sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 2021

- _____ Tôi đã gửi cho Bên cho vay các tài liệu cần thiết để xác minh chi phí tiền lương, sự tồn tại của các nghĩa vụ và dịch vụ (trong trường hợp áp dụng) trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 và các khoản thanh toán lãi suất thế chấp doanh nghiệp đủ điều kiện, thanh toán thuê hoạt động hoặc thuê tài chính doanh nghiệp và thanh toán tiện ích doanh nghiệp, các chi phí hoạt động được hỗ trợ, chi phí thiệt hại tài sản được hỗ trợ, chi phí nhà cung cấp được hỗ trợ, và chi phí bảo vệ người lao động được hỗ trợ.
- _____ Nếu đơn đăng ký này được nộp để xin xóa nợ Khoản vay PPP Đợt Hai, Bên vay đã sử dụng toàn bộ số tiền của Khoản vay PPP Đợt Một cho các chi phí hợp lệ trước khi giải ngân Khoản vay PPP Đợt Hai.
- _____ Thông tin được cung cấp trong đơn này và thông tin được cung cấp trong tất cả các tài liệu và mẫu đơn liên quan là đúng sự thật và chính xác trong mọi phương diện quan trọng. Tôi hiểu rằng nếu tôi cố tình khai man để được xóa nợ cho một khoản vay do SBA bảo đảm, tôi sẽ bị trừng phạt theo quy định của pháp luật, bao gồm theo bộ luật 18 U.S.C. 1001 và 3571 là phạt tù không quá 5 năm và/hoặc phạt tiền lên tới 250,000 đô la; theo 15 U.S.C. 645 là phạt tù không quá 2 năm và/hoặc phạt tiền lên tới 5,000 đô la; và, nếu được trình lên một tổ chức được bảo hiểm Liên bang, theo 18 U.S.C. 1014 là phạt tù không quá 30 năm và/hoặc phạt tiền lên tới 1,000,000 đô la.
- _____ Các tài liệu thuế tôi đã nộp cho Bên cho vay (nếu có) đều nhất quán với những tài liệu mà Bên vay đã nộp/sẽ nộp cho IRS và/hoặc cơ quan thuế hoặc cơ quan lực lượng lao động tiêu bang. Tôi cũng hiểu, thừa nhận và đồng ý rằng Bên cho vay có thể chia sẻ thông tin thuế với các đại diện được ủy quyền của SBA, bao gồm cả đại diện ủy quyền của Văn phòng Tổng thanh tra SBA, với mục đích đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu của PPP và tất cả các đánh giá của SBA.
- _____ Tôi hiểu, thừa nhận và đồng ý rằng SBA có thể yêu cầu thông tin bổ sung cho các mục đích đánh giá tính đủ điều kiện của Bên vay đối với khoản vay PPP và xóa nợ và việc Bên vay không cung cấp thông tin được yêu cầu bởi SBA có thể dẫn đến quyết định Bên vay không đủ điều kiện cho khoản vay theo hình thức PPP hoặc Bên vay bị từ chối đơn xin xóa nợ.
- _____ Nếu Bên vay đánh dấu vào ô quy định 1 về Bên cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE trong Phụ lục A của PPP thì Bên vay không thể hoạt động trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày kết thúc Kỳ hạn Cho vay ở mức độ hoạt động kinh doanh giống như trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 do tuân thủ các yêu cầu được thiết lập hoặc các hướng dẫn được ban hành từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (hoặc, các yêu cầu được thiết lập hoặc các hướng dẫn được ban hành từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 đến ngày cuối cùng của Kỳ hạn Cho vay, đối với khoản vay PPP sau ngày 27 tháng 12 năm 2020), bởi Bộ trưởng Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh, hoặc Cơ quan An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, liên quan đến việc duy trì các tiêu chuẩn vệ sinh, giãn cách xã hội hoặc bất kỳ yêu cầu nào khác về công việc hoặc an toàn của khách hàng liên quan đến COVID-19.

Khả năng đủ điều kiện xóa nợ khoản vay của Bên vay sẽ được đánh giá theo các quy định và hướng dẫn về PPP do SBA ban hành cho đến ngày nộp đơn này. SBA có thể chỉ đạo bên cho vay từ chối đơn xin xóa nợ khoản vay của bên vay nếu SBA xác định rằng Bên vay không đủ điều kiện cho khoản vay PPP.

Chữ ký của Đại diện theo ủy quyền của Bên vay

Ngày

Tên In hoa

Chức danh



Chương trình Bảo vệ Tiền lương
Mẫu 3508: Đơn xin Xóa nợ Khoản vay, Sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 2021

Phụ lục A của PPP

Bảng tính Phụ lục A của PPP, Tổng số trong Bảng 1

Dòng 1. Điền khoản Thù lao Tiền mặt (Ô 1) từ Bảng 1 trong Bảng tính thuộc Phụ lục A của PPP: _____

Dòng 2. Điền FTE Trung bình (Ô 2) từ Bảng 1 trong Bảng tính thuộc Phụ lục A của PPP: _____

Dòng 3. Điền Mức Giảm Lương/Giảm Lương Theo Giờ (Ô 3) từ Bảng 1 trong Bảng tính thuộc Phụ lục A của PPP: _____

Nếu mức lương trung bình hàng năm hoặc lương theo giờ cho mỗi người lao động được liệt kê trong Bảng 1 thuộc Bảng tính Phụ lục A của PPP, trong Kỳ hạn Cho vay bằng ít nhất 75% mức lương trung bình hàng năm của người lao động đó hoặc mức lương theo giờ trong toàn bộ quý gần đây nhất trước Kỳ hạn Cho vay, hãy đánh dấu vào đây và điền 0 lên dòng 3.

Bảng tính Phụ lục A của PPP, Tổng số Bảng 2

Dòng 4. Điền Khoản Bồi thường tiền mặt (Ô 4) từ Bảng 2 trong Bảng tính thuộc Phụ lục A của PP: _____

Dòng 5. Điền FTE Trung bình (Ô 5) từ Bảng 2 trong Bảng tính thuộc Phụ lục A của PP: _____

Chi phí Tiền lương Phi tiền mặt trong Kỳ hạn Cho vay

Dòng 6. Tổng số tiền mà Bên vay thanh toán hoặc phát sinh cho các khoản đóng góp của người sử dụng lao động cho bảo hiểm của người lao động: _____

Dòng 7. Tổng số tiền mà Bên vay thanh toán hoặc phát sinh cho các khoản đóng góp của người sử dụng lao động cho kế hoạch hưu trí của người lao động: _____

Dòng 8. Tổng số tiền mà Bên vay thanh toán hoặc phát sinh do đóng thuế tiểu bang và thuế địa phương áp dụng cho người sử dụng lao động dựa trên khoản thù lao của người lao động: _____

Tiền thù lao cho Chủ sở hữu

Dòng 9. Tổng số tiền phải trả cho doanh nghiệp tư nhân/cá nhân kinh doanh/thành viên hợp danh: _____
Số tiền này có thể không được bao gồm trong Bảng 1 hoặc 2 trong Bảng tính thuộc Phụ lục A của PPP. Nếu có nhiều hơn một cá nhân, hãy đính kèm một bảng riêng liệt kê tên và thanh toán cho từng cá nhân.

Tổng Chi phí Tiền lương

Dòng 10. Chi phí Tiền lương (cộng các dòng 1, 4, 6, 7, 8 và 9): _____

Tính toán Mức giảm Tương đương Toàn thời gian (FTE)

Nếu quý vị thỏa mãn **bất kỳ** tiêu chí nào trong số ba tiêu chí sau đây, hãy đánh dấu vào ô thích hợp, bỏ qua dòng 11 và 12, và nhập **1.0** vào dòng 13; nếu không, hãy hoàn thành dòng 11, 12, và 13:

Không cắt giảm nhân viên và số giờ hưởng lương trung bình: Nếu quý vị chưa giảm số lượng người lao động hoặc số giờ trả lương trung bình của người lao động trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến khi kết thúc Kỳ hạn Cho vay, hãy đánh dấu vào đây .

Quy định 1 về Bền vững An toàn dành cho Mức giảm FTE: Nếu quý vị không thể hoạt động trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày kết thúc Kỳ hạn Cho vay ở mức độ hoạt động kinh doanh giống như trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 do tuân thủ các yêu cầu được thiết lập hoặc các hướng dẫn được ban hành từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (hoặc, từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 đến ngày cuối cùng của Kỳ hạn Cho vay đối với khoản vay PPP từ hoặc sau ngày 27 tháng 12 năm 2020), bởi Bộ trưởng Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh, hoặc Cơ quan An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, liên quan đến việc duy trì các tiêu chuẩn vệ sinh, giãn cách xã hội hoặc bất kỳ yêu cầu nào khác về công việc hoặc an toàn của khách hàng liên quan đến COVID-19, 2020 .

Quy định 2 về Bền vững An toàn dành cho Mức giảm FTE: Nếu quý vị thỏa mãn Quy định 2 về Bền vững An toàn dành cho Mức giảm FTE (xem Bảng tính trong Phụ lục A của PPP), hãy kiểm tra tại đây .

Dòng 11. FTE trung bình trong thời gian tham chiếu được lựa chọn của Bên vay: _____

Dòng 12. Tổng FTE trung bình (cộng dòng 2 và 5): _____

Dòng 13. Thương số Giảm FTE (chia dòng 12 cho dòng 11) hoặc điền 1.0 nếu đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào trên đây: _____



Chương trình Bảo vệ Tiền lương
Mẫu 3508: Đơn xin Xóa nợ Khoản vay, Sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 2021

Bảng tính Phụ lục A của PPP

Bảng 1: Liệt kê những người lao động:

- Được Bên vay thuê vào bất kỳ thời điểm nào trong Kỳ hạn Cho vay và có nơi cư trú chính là ở Hoa Kỳ; và
- Đã nhận tiền thù lao từ Bên vay với tỷ lệ hàng năm dưới hoặc bằng 100,000 đô la cho tất cả các kỳ thanh toán trong năm 2019 hoặc không được Bên vay thuê tại bất kỳ thời điểm nào trong năm 2019.

Tên người lao động	Mã định danh Người lao động	Thù lao bằng Tiền mặt	FTE Trung bình	Mức giảm Lương/Tiền Công Theo Giờ
Các Ngoại lệ của Mức giảm FTE:				
Tổng số:		Ô 1	Ô 2	Ô 3

Bảng 2: Liệt kê những người lao động:

- Được Bên vay thuê vào bất kỳ thời điểm nào trong Kỳ hạn Cho vay và có nơi cư trú chính là ở Hoa Kỳ; và
- Nhận được thù lao từ Bên vay với tỷ lệ hàng năm hơn 100,000 đô la cho bất kỳ kỳ thanh toán nào trong năm 2019.

Tên người lao động	Mã định danh Người lao động	Thù lao bằng Tiền mặt	FTE Trung bình
Tổng số:		Ô 4	Ô 5

Đính kèm các bảng bổ sung nếu cần thêm hàng.

Quy định 2 về Bên cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE:

- Bước 1. Điền tổng FTE trung bình của Bên vay trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày 26 tháng 4 năm 2020. Thực hiện theo cùng một phương pháp đã được sử dụng để tính FTE trung bình trong Bảng tính Phụ lục A của PPP. Cộng tổng số người lao động và điền: _____.
- Bước 2. Điền tổng số FTE của Bên vay trong kỳ thanh toán của Bên vay tính cả ngày 15 tháng 2 năm 2020. Thực hiện theo cùng một phương pháp đã được sử dụng ở bước 1: _____.
- Bước 3. Nếu số được điền ở bước 2 lớn hơn bước 1, hãy chuyển sang bước 4. Nếu không thì quy định 2 về Bên cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE không được áp dụng và Bên vay phải hoàn thành dòng 13 trong Phụ lục A của PPP bằng cách chia dòng 12 cho dòng 11 của Phụ lục đó.
- Bước 4. Nhập tổng số FTE của bên vay (a) đối với khoản vay PPP trước ngày 27 tháng 12 năm 2020 thì nhập tổng số tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoặc (b) đối với khoản vay PPP sau ngày 27 tháng 12 năm 2020, thì tính đến ngày cuối cùng của kỳ hạn cho vay: _____.
- Bước 5. Nếu số được điền ở bước 4 lớn hơn hoặc bằng bước 2, hãy điền 1.0 lên dòng 13 trong Phụ lục A của PPP; quy định 2 về Bên cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE đã được đáp ứng. Nếu không thì quy định 2 về Bên cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE không được áp dụng và Bên vay phải hoàn thành dòng 13 trong Phụ lục A của PPP bằng cách chia dòng 12 cho dòng 11 của Phụ lục đó.



Chương trình Bảo vệ Tiền lương
Mẫu 3508: Đơn xin Xóa nợ Khoản vay, Sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 2021

Đạo luật Giảm Công Việc Giấy Tờ – Quý vị không cần phải trả lời phiếu thu thập thông tin này trừ khi nó hiển thị Số Kiểm soát OMB hiện tại hợp lệ. Thời gian ước tính để hoàn thành đơn này, bao gồm cả thu thập dữ liệu cần thiết, là 180 phút. Mọi ý kiến về thời gian này hoặc thông tin được yêu cầu phải được gửi đến Small Business Administration, Director, Records Management Division (Cơ quan Quản lý Doanh nghiệp Nhỏ, Giám đốc, Phòng quản lý Hồ sơ), 409 3rd St., SW, Washington DC 20416, và/hoặc SBA Desk Officer, Office of Management and Budget, New Executive Office Building (Nhân viên Quản lý của SBA, Văn phòng Quản lý và Ngân sách, Tòa nhà Văn phòng Điều hành mới), Washington DC 20503. **VUI LÒNG KHÔNG GỬI CÁC MẪU ĐƠN ĐẾN NHỮNG ĐỊA CHỈ NÀY.**



Chương trình Bảo vệ Tiền lương
Mẫu 3508: Đơn xin Xóa nợ Khoản vay, Sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 2021

MẪU 3508: HƯỚNG DẪN LÀM ĐƠN XIN XÓA NỢ KHOẢN VAY DÀNH CHO BÊN VAY

Để nộp đơn xin xóa nợ cho khoản vay theo Chương trình Bảo vệ Tiền lương (PPP) Đợt Một hoặc Đợt Hai, quý vị (Bên vay) có thể sử dụng Mẫu 3508EZ hoặc Mẫu 3508S hoặc hoàn thành đơn này theo những hướng dẫn sau đây và **nộp cho Bên cho vay của quý vị** (hoặc Bên cho vay đang đảm nhận khoản vay của quý vị). Bên vay cũng có thể hoàn thành đơn của mình bằng phương thức điện tử thông qua Bên cho vay. Mỗi khoản vay PPP phải sử dụng một mẫu đơn xin xóa nợ khoản vay riêng. Quý vị không thể sử dụng một mẫu đơn để xin xóa nợ cả Khoản vay PPP Đợt Một và Khoản vay PPP Đợt Hai. Đối với Khoản vay PPP Đợt Hai vượt quá 150,000 đô la, quý vị phải nộp đơn xin xóa nợ khoản vay cho Khoản vay PPP Đợt Một của mình trước hoặc đồng thời với đơn xin xóa nợ khoản vay cho Khoản vay PPP Đợt Hai, ngay cả khi số tiền xóa nợ được tính toán cho Khoản vay PPP Đợt Một của quý vị bằng không.

Nếu đơn này được nộp cho Khoản vay PPP Đợt Một mà được phê duyệt vào hoặc trước ngày 8 tháng 8 năm 2020 và Bên vay được yêu cầu gửi Mẫu 3508D SBA tiết lộ về quyền kiểm soát doanh nghiệp, thì bản tiết lộ đó phải được gửi cho bên cho vay không muộn hơn 30 ngày sau khi nộp đơn xin xóa nợ khoản vay này. Xem tiêu mục B.16 trong quy tắc cuối cùng tạm thời của SBA được đăng vào ngày 6 tháng 1 năm 2021 (86 FR 3692).

Đơn này gồm các phần sau: (1) Mẫu đơn Tính toán Xin xóa nợ Khoản vay PPP; (2) Phụ lục A của PPP; (3) Bảng tính Phụ lục A của PPP; và (4) Mẫu đơn Thông tin Nhân khẩu học của Bên vay theo diện PPP (không bắt buộc). Bên vay phải nộp các giấy tờ (1) và (2) cho Bên cho vay.

Hướng dẫn dành cho Mẫu đơn Tính toán Xin xóa nợ Khoản vay PPP

Tên Pháp lý của Doanh nghiệp ("Bên vay")/Tên hoạt động (DBA) hoặc Tên thương mại (nếu có)/Số nhận dạng Doanh nghiệp đóng thuế (Số nhận dạng Người sử dụng Lao động (EIN), Số an sinh Xã hội (SSN), Số nhận dạng Người nộp thuế Cá nhân (ITIN)): Điền thông tin tương tự như trên Mẫu đơn Xin vay của quý vị (Mẫu 2483 của SBA, Mẫu 2483-SD của SBA, Mẫu 2483-C của SBA, Mẫu 2483-SD-C của SBA, hoặc mẫu tương đương của bên cho vay).

Địa chỉ Doanh nghiệp/Mã NAICS/Số điện thoại Doanh nghiệp/Người liên hệ Chính/Địa chỉ email: Điền thông tin tương tự như trên Mẫu đơn Xin vay của quý vị, trừ khi có sự thay đổi về địa chỉ hoặc thông tin liên hệ. Nếu Mẫu đơn Xin vay không có mã NAICS, hãy khớp nối với mã hoạt động kinh doanh được cung cấp trên hồ sơ thuế thu nhập IRS, nếu có.

Khoản vay PPP Đợt Một hoặc Khoản vay PPP Đợt Hai: Chọn ô mô tả khoản vay PPP mà quý vị đang xin xóa nợ thông qua đơn này. Nếu quý vị chỉ có một khoản vay PPP, hãy chọn Khoản vay PPP Đợt Một.

Số Tham chiếu khoản vay PPP của SBA: Điền số tham chiếu khoản vay do SBA cấp tại thời điểm phê duyệt khoản vay. Hỏi Bên cho vay để lấy số này nếu cần thiết.

Số Tham chiếu Khoản vay PPP của Bên cho vay: Điền số tham chiếu khoản vay mà Bên cho vay gán cho khoản vay theo hình thức PPP.

Số tiền vay PPP: Điền số tiền gốc đã giải ngân ban đầu của khoản vay PPP (tổng số tiền ban đầu quý vị đã nhận được từ Bên cho vay).

Ngày giải ngân của Khoản vay PPP: Điền ngày mà quý vị nhận được khoản vay PPP từ Bên cho vay. Nếu số tiền cho vay được nhận trong nhiều ngày, hãy điền ngày đầu tiên quý vị nhận được tiền cho vay theo hình thức PPP. Nếu quý vị nhận được số tiền tăng thêm cho phép cho Khoản vay PPP Đợt Một của mình sau ngày 27 tháng 12 năm 2020, quý vị phải nhập ngày mà quý vị nhận được khoản giải ngân ban đầu cho khoản tiền vay PPP của mình.

Số tiền Gia tăng Khoản vay PPP: Nhập số tiền đã giải ngân của khoản gia tăng được phê duyệt cho Khoản vay PPP Đợt Một của quý vị nhận được sau ngày 27 tháng 12 năm 2020 (nếu có).

Ngày Gia tăng Khoản vay PPP: Nhập ngày mà quý vị nhận được khoản tiền gia tăng được phê duyệt cho Khoản vay PPP Đợt Một của quý vị từ Bên cho vay (nếu có).

Số lượng Người lao động tại Thời điểm Nộp đơn Xin vay: Điền tổng số người lao động (bao gồm cả chủ sở hữu/thành viên hợp danh) tại thời điểm nộp đơn xin vay PPP.

Số lượng Người lao động tại Thời điểm Nộp đơn Xin xóa nợ Khoản vay: Điền tổng số người lao động (bao gồm cả chủ sở hữu/thành viên hợp danh) tại thời điểm Bên vay nộp đơn xin xóa nợ khoản vay.



Chương trình Bảo vệ Tiền lương
Mẫu 3508: Đơn xin Xoá nợ Khoản vay, Sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 2021

Kỳ hạn Cho vay: Kỳ hạn Cho vay bắt đầu vào ngày khoản vay được giải ngân ban đầu. Kỳ hạn đó kết thúc vào một ngày do Bên vay chọn, ít nhất là 8 tuần sau ngày giải ngân khoản vay và không quá 24 tuần sau ngày giải ngân khoản vay. Ví dụ: nếu Bên vay nhận được khoản vay PPP vào thứ Hai ngày 20 tháng 4 năm 2020, thì ngày đầu tiên của Kỳ hạn Cho vay phải là Thứ Hai ngày 20 tháng 4 năm 2020 và ngày cuối cùng của Kỳ hạn Cho vay là bất kỳ ngày nào do Bên vay chọn, trong khoảng thời gian từ Chủ Nhật, ngày 14 tháng 6 năm 2020 đến Chủ Nhật ngày 4 tháng 10 năm 2020.

Tính toán Số tiền được Xoá nợ (xem Tóm tắt các Chi phí Đủ điều kiện để được Xoá nợ dưới đây):

Dòng 1: Điền tổng chi phí tiền lương đủ điều kiện phát sinh hoặc được thanh toán trong Kỳ hạn Cho vay. Để tính toán các chi phí này, hãy hoàn thành Phụ lục A của PPP. Điền số tiền từ Phụ lục A của PPP, dòng 10.

Dòng 2: Điền số tiền thanh toán khoản lãi thế chấp doanh nghiệp phải trả hoặc phát sinh trong Thời hạn Cho vay cho bất kỳ nghĩa vụ thế chấp doanh nghiệp nào đối với bất động sản hoặc động sản phát sinh trước ngày 15 tháng 2 năm 2020. Không bao gồm các khoản trả trước.

Dòng 3: Điền số tiền thanh toán khoản thuê hoạt động hoặc thuê tài chính doanh nghiệp phải trả hoặc phát sinh dành cho bất động sản hoặc động sản trong Thời hạn Cho vay, theo các thỏa thuận cho thuê có hiệu lực trước ngày 15 tháng 2 năm 2020.

Dòng 4: Nhập số tiền thanh toán khoản tiện ích doanh nghiệp phải trả hoặc phát sinh trong Thời hạn Cho vay, cho các tiện ích doanh nghiệp bắt đầu dịch vụ trước ngày 15 tháng 2 năm 2020.

Dòng 5: Nhập số tiền chi phí hoạt động được hỗ trợ đã thanh toán hoặc phát sinh trong Kỳ hạn Cho vay.

Dòng 6: Nhập số tiền chi phí thiệt hại tài sản được hỗ trợ đã thanh toán hoặc phát sinh trong Kỳ hạn Cho vay.

Dòng 7: Nhập số tiền chi phí nhà cung cấp được hỗ trợ đã thanh toán hoặc phát sinh trong Kỳ hạn Cho vay theo hợp đồng hoặc đơn đặt hàng có hiệu lực trước khi bắt đầu Kỳ hạn Cho vay (đối với hàng hóa dễ hư hỏng, hợp đồng hoặc đơn đặt hàng phải có hiệu lực trước đó hoặc bất kỳ thời điểm nào trong Kỳ hạn Cho vay).

Dòng 8: Nhập số tiền chi phí bảo vệ người lao động được hỗ trợ đã thanh toán hoặc phát sinh trong Kỳ hạn Cho vay.

LƯU Ý: Đối với dòng 2-8, quý vị không bắt buộc phải báo cáo các khoản thanh toán mà quý vị không muốn đưa vào số tiền xoá nợ.

Dòng 9: Điền số từ Phụ lục A của PPP, dòng 3. Số tiền này phản ánh mức giảm xoá nợ khoản vay cần thiết cho việc giảm lương/tiền công theo giờ vượt quá 25% cho một số người lao động nhất định như được mô tả trong Phụ lục A của PPP.

Dòng 10: Cộng các dòng từ 1 đến 8, trừ đi dòng 9, điền tổng số. Nếu số tiền này nhỏ hơn 0, điền số 0.

Dòng 11: Điền số từ Phụ lục A của PPP, dòng 13.

Dòng 12: Điền số tiền ở dòng 10 nhân với số tiền ở dòng 11. Tính toán này kết hợp việc giảm mức độ xoá nợ khoản vay cần thiết cho bất kỳ khoản giảm cho người lao động làm tương đương toàn thời gian (FTE) nào được mô tả trong Phụ lục A.

Dòng 13: Điền Số tiền vay PPP.

Dòng 14: Chia số tiền ở dòng 1 cho 0.60 và điền số tiền. Điều này giúp xác định xem liệu ít nhất 60% số tiền xoá nợ tiềm năng có được sử dụng cho chi phí tiền lương hay không.

Dòng 15: Điền số nhỏ nhất trong số các dòng 12, 13 hoặc 14.

Tóm tắt các Chi phí Đủ điều kiện để Xoá nợ:

Bên vay đủ điều kiện được xoá nợ khoản vay với các chi phí sau:

- Chi phí tiền lương đủ điều kiện.** Bên vay thường đủ điều kiện để được xoá nợ cho các chi phí tiền lương phải trả và chi phí tiền lương phát sinh trong Kỳ hạn Cho vay ("chi phí tiền lương"). Chi phí tiền lương được coi là đã trả vào ngày mà tiền lương được phát hoặc Bên vay tạo giao dịch qua tín dụng của hệ thống thanh toán bù trừ tự động (ACH). Chi phí tiền lương được coi là phát sinh vào ngày người lao động nhận được lương. Chi phí tiền lương phát sinh nhưng không được thanh toán trong kỳ thanh toán cuối cùng của Bên vay trong Kỳ hạn Cho vay sẽ đủ điều kiện để được xoá nợ nếu được trả vào hoặc trước ngày trả lương thường lệ tiếp theo. Mặt khác, chi phí tiền lương phải được thanh toán trong Kỳ hạn Cho vay. Đối với mỗi người lao động, tổng số tiền thù lao bằng tiền mặt đủ điều kiện để được xoá nợ không được vượt quá mức lương hàng năm là 100,000 đô la, được chia tỷ lệ theo Kỳ hạn Cho vay. Tính chi phí tiền lương được thanh toán và phát sinh trong một lần duy nhất. Chi bao gồm chi phí tiền lương cho những người lao động có nơi cư trú chính ở Hoa Kỳ. Để biết thông tin về chi phí tiền lương hợp lệ, xem quy tắc cuối cùng tạm thời của SBA được đăng vào ngày 6 tháng 1 năm



Chương trình Bảo vệ Tiền lương
Mẫu 3508: Đơn xin Xóa nợ Khoản vay, Sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 2021

2021 (86 FR 3692), được sửa đổi theo quy tắc cuối cùng tạm thời của SBA đăng vào ngày 18 tháng 3 năm 2021 (86 FR 15083). Để biết thông tin về các chi phí nào đủ điều kiện để được coi là chi phí tiền lương đối với những Bên vay đã nộp đơn xin vay bằng cách sử dụng Mẫu 2483-C hoặc 2483-SD-C của SBA, vui lòng xem quy tắc cuối cùng tạm thời của SBA về tính toán số tiền vay và khả năng hội đủ điều kiện, được đăng vào ngày 3 tháng 3 năm 2021 (86 FR 13149), sửa đổi theo quy tắc cuối cùng tạm thời của SBA được đăng vào ngày 18 tháng 3 năm 2021 (86 FR 15083).

2. **Chi phí phi tiền lương đủ điều kiện.** Chi phí phi tiền lương đủ điều kiện để được xóa nợ bao gồm:
- (a) các nghĩa vụ thế chấp được hỗ trợ: khoản thanh toán tiền lãi thế chấp (không bao gồm bất kỳ khoản trả trước hoặc trả gốc) đối với bất kỳ nghĩa vụ thế chấp doanh nghiệp nào đối với bất động sản hoặc động sản phát sinh trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 ("thanh toán lãi thế chấp doanh nghiệp");
 - (b) các nghĩa vụ cho thuê được hỗ trợ: khoản thanh toán thuê hoạt động hoặc thuê tài chính doanh nghiệp dành cho bất động sản hoặc động sản có hiệu lực trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 ("thanh toán tiền thuê hoạt động hoặc thuê tài chính doanh nghiệp");
 - (c) các khoản thanh toán tiện ích được hỗ trợ: khoản thanh toán doanh nghiệp cho dịch vụ phân phối điện, gas, nước, điện thoại, giao thông, hoặc truy cập internet, dịch vụ này bắt đầu trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 ("thanh toán tiện ích doanh nghiệp");
 - (d) các chi phí hoạt động được hỗ trợ: các khoản thanh toán cho bất kỳ phần mềm kinh doanh hoặc dịch vụ điện toán đám mây nào hỗ trợ hoạt động kinh doanh, chi phí cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ, xử lý, thanh toán hoặc theo dõi trả lương, nhân sự, chức năng bán hàng và lập hóa đơn hoặc kế toán theo dõi vật tư, hàng tồn kho, hồ sơ và các chi phí;
 - (e) chi phí thiệt hại tài sản được hỗ trợ: chi phí liên quan đến thiệt hại, phá hoại hoặc cướp bóc tài sản do bạo loạn công cộng xảy ra trong năm 2020 mà không được bảo hiểm hoặc bồi thường khác;
 - (f) các chi phí nhà cung cấp được hỗ trợ: các khoản chi cho nhà cung cấp hàng hóa để cung cấp hàng hóa cần thiết cho hoạt động của Bên vay tại thời điểm thực hiện khoản chi đó và được thực hiện theo hợp đồng hoặc đơn đặt hàng có hiệu lực trước khi bắt đầu Kỳ hạn Cho vay (đối với hàng hóa dễ hư hỏng thì hợp đồng hoặc đơn đặt hàng có thể đã có hiệu lực trước đó hoặc bất kỳ thời điểm nào trong Kỳ hạn Cho vay); và
 - (g) các chi phí bảo vệ người lao động được hỗ trợ: chi phí hoạt động hoặc chi phí vốn tạo điều kiện cho các hoạt động kinh doanh của một tổ chức thích ứng để tuân thủ các yêu cầu được thiết lập hoặc các hướng dẫn được ban hành bởi Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh, các Trung tâm Kiểm soát Dịch bệnh, hoặc Cục Sức khỏe và An toàn Nghề nghiệp, hoặc bất kỳ yêu cầu tương đương nào được thiết lập hoặc hướng dẫn được ban hành bởi Tiểu Bang hoặc chính quyền địa phương, trong thời gian bắt đầu từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 và kết thúc vào ngày mà tình trạng khẩn cấp quốc gia được Tổng thống tuyên bố liên quan đến Dịch bệnh Coronavirus 2019 (COVID-19) hết hạn liên quan đến các tiêu chuẩn duy trì vệ sinh, giãn cách xã hội, hoặc bất kỳ yêu cầu nào khác về an toàn của người lao động hoặc khách hàng liên quan đến COVID-19, nhưng không bao gồm tài sản bất động sản là nhà ở hoặc tài sản vô hình.
- Chi phí phi tiền lương đủ điều kiện không được vượt quá 40% tổng số tiền xóa nợ. Chi phí phi tiền lương đủ điều kiện phải được thanh toán hoặc trong Kỳ hạn Cho vay hoặc phát sinh trong Kỳ hạn Cho vay và được thanh toán vào hoặc trước ngày thanh toán thông thường tiếp theo, ngay cả khi ngày thanh toán là sau Kỳ hạn Cho vay. Tính chi phí phi tiền lương được thanh toán và phát sinh trong một lần duy nhất.

Số tiền xóa nợ khoản vay mà Bên vay áp dụng có thể bị giảm như được giải thích trong Phụ lục A của PPP.



Chương trình Bảo vệ Tiền lương
Mẫu 3508: Đơn xin Xóa nợ Khoản vay, Sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 2021

Hướng dẫn dành cho Phụ lục A của PPP

Dòng 1 đến 5: Điền số tiền từ Bảng tính Phụ lục A của PPP theo hướng dẫn.

Điền số tiền từ dòng 3 trong Phụ lục A của PPP vào dòng 9 của Mẫu đơn Xin xóa nợ Khoản vay PPP.

Đối với các dòng từ 6 đến 9, trong Kỳ hạn Cho vay:

Dòng 6: Điền tổng số tiền mà Bên vay phải trả cho các khoản đóng góp của người sử dụng lao động dành cho bảo hiểm sức khỏe theo nhóm, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm thương tật, bảo hiểm nhân khoa, bảo hiểm nha khoa của người lao động, bao gồm các khoản đóng góp của người sử dụng lao động cho chương trình bảo hiểm sức khỏe theo nhóm được bảo lãnh bởi người sử dụng lao động hoặc tự bảo hiểm, nhưng không bao gồm bất kỳ khoản đóng góp trước thuế hoặc sau thuế của người lao động. Không cộng thêm các khoản đóng góp cho những phúc lợi này trên danh nghĩa một cá nhân kinh doanh, thành viên hợp danh hoặc nhân viên là chủ sở hữu của một công ty S (S-corporation), bởi vì các khoản chi trả đó đã được bao gồm trong thù lao của họ. Ngoài ra, không cộng thêm phí bảo hiểm liên quan đến bảo hiểm liên tục COBRA được tính đến trong khi xác định mức tín dụng theo mục 6432 của Bộ luật Thuế vụ năm 1986.

Dòng 7: Điền tổng số tiền mà Bên vay trả cho các khoản đóng góp của người sử dụng lao động vào các kế hoạch nghỉ hưu của người lao động, không bao gồm bất kỳ khoản đóng góp trước thuế hoặc sau thuế nào của người lao động. Không cộng thêm các khoản đóng góp hưu trí của chủ lao động được chi trả trên danh nghĩa một cá nhân kinh doanh hoặc thành viên hợp danh bởi vì các khoản chi trả đó đã được bao gồm trong thù lao của họ.

Dòng 8: Điền tổng số tiền mà Bên vay phải nộp cho thuế tiểu bang và thuế địa phương áp dụng cho người sử dụng lao động dựa trên thù lao của người lao động (ví dụ: thuế bảo hiểm thất nghiệp của tiểu bang); không liệt kê bất kỳ khoản thuế nào được khấu trừ từ thu nhập của người lao động.

Dòng 9: Nhập bất kỳ số tiền nào mà Bên vay đã trả cho chủ sở hữu (nhân viên có quyền sở hữu (với tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên), cá nhân tự kinh doanh hoặc thành viên hợp danh). Đối với mỗi chủ sở hữu cá nhân trong tất cả các doanh nghiệp, số tiền này được giới hạn ở mức (a) 20,833 đô la (tương đương 2.5 tháng lương của người có mức lương 100,000 đô la mỗi năm) hoặc (b) tương đương 2.5 tháng thù lao của cá nhân trong năm đó mà được sử dụng để tính số tiền vay (2019 hoặc 2020), tùy theo giá trị nào thấp hơn. Nếu Bên vay đã nộp đơn xin vay bằng cách sử dụng Mẫu 2483-C hoặc 2483-SD-C của SBA thì thù lao cho chủ sở hữu sẽ bao gồm cả chi phí chủ sở hữu (chi phí kinh doanh cộng với thù lao của chủ sở hữu). Chi phí chủ sở hữu bằng khoản chênh lệch giữa tổng thu nhập của Bên vay và chi phí trả lương cho nhân viên. Chi phí chủ sở hữu của Bên vay được giới hạn ở mức (a) 20,833 đô la (tương đương 2.5 tháng lương của mức lương 100,000 đô la mỗi năm) hoặc (b) tương đương 2.5 tháng lương của mức tổng thu nhập của bên vay trong năm được sử dụng để tính số tiền cho vay (2019 hoặc 2020), tùy theo giá trị nào thấp hơn.

Dòng 10: Cộng các dòng 1, 4, 6, 7, 8, và 9. Điền số tiền này vào dòng 1 trên Mẫu đơn Tính toán Xóa nợ Khoản vay PPP.

Dòng 11: Điền tổng số tương đương toàn thời gian (FTE) trung bình hàng tuần của Bên vay trong khoảng thời gian tham chiếu đã chọn. Đối với mục đích của tính toán này, theo lựa chọn của Bên vay, thời gian tham chiếu là (i) ngày 15 tháng 2 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019; (ii) ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 29 tháng 2 năm 2020; hoặc (iii) trong trường hợp sử dụng lao động thời vụ thì thời gian tham chiếu là các khoảng thời gian trước hoặc khoảng thời gian 12 tuần liên tiếp từ ngày 15 tháng 2 năm 2019 đến ngày 15 tháng 2 năm 2020. Đối với mỗi người lao động, hãy làm theo phương pháp tương tự đã được sử dụng để tính FTE trung bình trên Bảng tính trong Phụ lục A của PPP. Cộng toàn bộ người lao động trong thời gian tham chiếu và điền tổng số đó lên dòng này.

Các tính toán ở các dòng 11, 12 và 13 sẽ được dùng để xác định xem số tiền xóa nợ khoản vay của Bên vay có bị giảm hay không dựa trên việc giảm số lượng người lao động tương đương toàn thời gian, theo yêu cầu của luật định. Cụ thể, số tiền xóa nợ khoản vay thực tế mà Bên vay sẽ nhận được có thể bị giảm đi nếu số người lao động FTE trung bình hàng tuần của Bên vay trong Kỳ hạn Cho vay ít hơn trong thời gian tham chiếu được lựa chọn của Bên vay. Bên vay được miễn khoản giảm đó và nên bỏ qua các dòng 11 và 12 nếu đáp ứng bất kỳ một trong ba tiêu chí được liệt kê trong Phụ lục A của PPP theo mục Tính toán Khoản giảm Tương đương Toàn thời gian (FTE).

Dòng 12: Cộng các dòng 2 và 5.

Dòng 13: Chia dòng 12 cho dòng 11 (hoặc nhập 1.0 nếu đáp ứng bất kỳ một trong ba tiêu chí được liệt kê trong Phụ lục A của PPP theo mục Tính toán Khoản giảm Tương đương Toàn thời gian (FTE)). Nếu nhiều hơn 1.0, điền 1.0. Điền số tiền này vào dòng 11 trên Mẫu đơn Tính toán Xóa nợ Khoản vay PPP.



Chương trình Bảo vệ Tiền lương
Mẫu 3508: Đơn xin Xóa nợ Khoản vay, Sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 2021

Hướng dẫn dành cho Bảng tính trong Phụ lục A của PPP

Hoàn thành Bảng tính Phụ lục A của PPP hoặc nhận bản báo cáo tương đương từ hệ thống bảng lương hoặc bộ xử lý bảng lương của Bên vay.

Hướng dẫn dành cho Bảng

Tên người lao động: Liệt kê riêng từng người lao động. Không bao gồm bất kỳ nhà thầu độc lập, nhân viên có cổ phần (tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên), doanh nghiệp tư nhân hoặc cá nhân kinh doanh hoặc thành viên hợp danh nào. Chỉ bao gồm chi phí tiền lương cho những người lao động có nơi cư trú chính ở Hoa Kỳ.

Mã định danh Người lao động: Nhập bốn chữ số cuối của Số An sinh Xã hội của mỗi người lao động.

Thù lao bằng Tiền mặt: Điền tổng của tiền lương gộp, tiền công gộp, tiền boia gộp, tiền hoa hồng gộp, nghỉ có lương (nghỉ phép, công việc gia đình, nghỉ ốm, không bao gồm nghỉ phép theo Đạo luật Ứng phó với virus corona và Đặt các gia đình là ưu tiên cao nhất) và các khoản trợ cấp thôi việc hoặc tiền bồi thường thôi việc được trả hoặc phát sinh trong Kỳ hạn Cho vay. Không bao gồm tiền lương đủ điều kiện được tính đến khi xác định (a) Tín dụng Giữ chân Người lao động theo mục 2301 của Đạo luật CARES, được sửa đổi theo các mục 206 và 207 của Đạo luật Cứu trợ Thuế do Thảm họa năm 2020; (b) Tín dụng Giữ chân Người lao động theo mục 3134 của Bộ luật Thuế vụ năm 1986, được ban hành theo Đạo luật Kế hoạch Giải cứu Hoa Kỳ năm 2021; và (c) khoản tín dụng do thảm họa theo mục 303 của Đạo luật Cứu trợ Thuế do Thảm họa năm 2020. Đối với mỗi người lao động, tổng số tiền thù lao bằng tiền mặt đủ điều kiện để được xóa nợ không được vượt quá mức lương hàng năm là 100,000 đô la, được chia tỷ lệ theo Kỳ hạn Cho vay. Ví dụ: đối với Kỳ hạn Cho vay 8 tuần, mức tối đa là 15,385 đô la, đối với Kỳ hạn Cho vay 24 tuần, mức tối đa là 46,154 đô la.

FTE Trung bình: Phần này sẽ tính toán tương đương toàn thời gian trung bình (FTE) trong Kỳ hạn Cho vay. Đối với mỗi người lao động, hãy điền số giờ trung bình được trả mỗi tuần, chia cho 40 và làm tròn tổng số lên đến một phần mười gần nhất. Mức giới hạn tối đa cho mỗi người lao động là 1.0. Bên vay có thể lựa chọn dùng phương pháp đơn giản hóa chỉ định 1.0 cho người lao động làm việc 40 giờ trở lên mỗi tuần và 0.5 cho nhân viên làm việc ít giờ hơn.

Tính toán này sẽ được dùng để xác định xem số tiền xóa nợ khoản vay của Bên vay có bị giảm hay không do yêu cầu theo luật định liên quan đến việc cắt giảm người lao động tương đương toàn thời gian. Bên vay đủ điều kiện để được xóa nợ cho khoản vay đối với các khoản chi tiêu nhất định trong Kỳ hạn Cho vay. Tuy nhiên, số tiền xóa nợ cho khoản vay thực tế mà Bên vay sẽ nhận được có thể ít hơn, tùy thuộc vào số lượng người lao động FTE trung bình hàng tuần của Bên vay trong Kỳ hạn Cho vay ít hơn trong thời gian tham chiếu được lựa chọn của Bên vay (xem Hướng dẫn dành cho dòng 11 trong Phụ lục A của PPP). Bên vay được miễn khoản giảm đó nếu áp dụng một trong hai quy định về Bên cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE. Xem Hướng dẫn về quy định Bên cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE ở bên dưới.

Mức giảm Lương/Tiền Công Theo Giờ: Tính toán này sẽ được dùng để xác định xem số tiền xóa nợ khoản vay của Bên vay có bị giảm hay không do yêu cầu theo luật định liên quan đến việc cắt giảm tiền lương và tiền công của người lao động. Bên vay đủ điều kiện để được xóa nợ cho khoản vay đối với các khoản chi tiêu nhất định trong Kỳ hạn Cho vay. Tuy nhiên, số tiền xóa nợ cho khoản vay thực tế mà Bên vay sẽ nhận được có thể ít hơn, tùy thuộc vào mức lương hoặc tiền công theo giờ của một số người lao động trong Kỳ hạn Cho vay có ít hơn trong toàn bộ quý gần đây nhất trước Kỳ hạn Cho vay hay không. Nếu Bên vay khôi phục mức lương/tiền công theo giờ, Bên vay có thể đủ điều kiện để được loại bỏ số tiền Giảm Lương/Tiền công Theo giờ. Bên vay phải hoàn thành bảng tính này để xác định xem có nên giảm số tiền xóa nợ cho khoản vay mà họ đủ điều kiện hay không. Hoàn thành cột Giảm Lương/Tiền công Theo giờ dành riêng cho nhân viên có mức lương hoặc tiền công theo giờ đã giảm hơn 25% trong Kỳ hạn Cho vay so với toàn bộ quý gần đây nhất trước Kỳ hạn Cho vay. Đối với mỗi người lao động được liệt kê trong Bảng 1, hãy hoàn thành những phần sau (dùng tiền lương cho người lao động được trả lương và tiền công theo giờ cho người lao động làm theo giờ):

Bước 1. Xác định xem khoản thanh toán đã giảm hơn 25% hay chưa.

- a. Điền mức lương trung bình hàng năm hoặc tiền công theo giờ trong Kỳ hạn Cho vay: _____
 - b. Điền mức tiền công theo giờ hoặc mức lương trung bình hàng năm trong toàn bộ quý gần đây nhất trước Kỳ hạn Cho vay: _____.
 - c. Chia giá trị đã điền ở 1.a. cho 1.b.: _____.
- Nếu 1.c. là lớn hơn 0.75, điền số 0 vào cột phía trên ô 3 cho người lao động đó; nếu không thì tiến hành Bước 2.

Bước 2. Xác định xem quy định Bên cảng An toàn dành cho Mức giảm Lương/Tiền công Theo giờ có được đáp ứng hay không.

- a. Điền mức lương hàng năm hoặc tiền công theo giờ kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2020: _____.
 - b. Điền mức lương trung bình hàng năm hoặc tiền công theo giờ trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày 26 tháng 4 năm 2020: _____.
- Nếu 2.b. bằng hoặc lớn hơn 2.a., bỏ qua Bước 3. Nếu không, tiến hành 2.c.



Chương trình Bảo vệ Tiền lương
Mẫu 3508: Đơn xin Xóa nợ Khoản vay, Sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 2021

- c. Nhập mức tiền công theo giờ hoặc mức lương trung bình hàng năm: (a) đối với khoản vay PPP trước ngày 27 tháng 12 năm 2020 thì tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoặc (b) đối với khoản vay PPP sau ngày 27 tháng 12 năm 2020, thì tính đến ngày cuối cùng của Kỳ hạn Cho vay: _____.
- Nếu 2.c. bằng hoặc lớn hơn 2.a. thì Đạo luật Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm Lương/Tiền công Theo giờ đã được đáp ứng – nhập số 0 vào cột phía trên ô 3 cho người lao động đó. Nếu không tiến hành Bước 3.

Bước 3. Xác định Mức giảm Lương/Tiền công Theo giờ.

- a. Nhân số tiền đã điền ở 1.b. với 0.75: _____.
- b. Lấy 3.a. trừ đi số tiền đã điền ở 1.a.: _____.

Nếu người lao động là một công nhân làm việc theo giờ, hãy tính tổng số tiền giảm vượt quá 25% như sau:

- c. Điền số giờ làm việc trung bình mỗi tuần trong toàn bộ quý gần đây nhất trước Kỳ hạn Cho vay: _____.
- d. Nhân số tiền điền ở 3.b. với số tiền điền ở 3.c. _____ Nhân số tiền này với số tuần trong Kỳ hạn Cho vay (một số nguyên trong khoảng từ 8 đến 24): _____. Điền giá trị này vào cột phía trên ô 3 cho người lao động đó.

Nếu người lao động là nhân viên được trả lương, hãy tính tổng số tiền giảm vượt quá 25% như sau:

- e. Nhân số tiền đã nhập ở 3.b. với số tuần trong Kỳ hạn Cho vay: _____. Chia số tiền này cho 52: _____. Điền giá trị này vào cột phía trên ô 3 cho người lao động đó.

Các Ngoại lệ của Mức giảm FTE: Hãy chỉ rõ FTE của (1) bất kỳ vị trí nào mà Bên vay đã gửi thư mời làm việc một cách thiện chí và bằng văn bản để tuyển lại một người từng là nhân viên của Bên vay vào ngày 15 tháng 27, 2020 năm 2020 và Bên vay không thể tuyển được những nhân viên có trình độ tương tự cho các vị trí chưa được lấp đầy vào ngày hoặc trước ngày (a) 31 tháng 12 năm 2020 đối với khoản vay PPP trước ngày 27 tháng 12 năm 2020 hoặc (b) ngày cuối cùng của Kỳ hạn Cho vay, đối với khoản vay PPP sau ngày 27 tháng 12 năm 2020; (2) bất kỳ vị trí nào mà Bên vay đã gửi thư đề nghị một cách thiện chí và bằng văn bản để đề nghị làm bù lại bất kỳ giờ làm việc nào bị giảm, với cùng mức lương hoặc tiền công, trong Kỳ hạn Cho vay nhưng nhân viên đã từ chối lời đề nghị đó, và (3) bất kỳ nhân viên nào mà, trong Kỳ hạn Cho vay, (a) bị sa thải có lý do, (b) tự nguyện xin nghỉ việc, hoặc (c) tự nguyện yêu cầu giảm giờ làm và được chấp thuận. Trong tất cả các trường hợp này, chỉ bao gồm các FTE này ở dòng này nếu không tuyển được người lao động mới để lấp đầy vị trí đó. Bất kỳ khoản giảm FTE nào trong những trường hợp này đều không làm giảm mức xóa nợ cho khoản vay của Bên vay.

Ô 1 đến 5: Điền tổng số tiền vào mỗi cột.

Quy định về Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE

Hai quy định riêng biệt về bến cảng an toàn cho phép miễn cho một số bên vay khỏi bị giảm mức xóa nợ khoản vay dựa trên việc giảm mức nhân viên FTE:

1. Bên vay được miễn khỏi việc bị giảm mức xóa nợ khoản vay dựa trên việc giảm số nhân viên FTE như mô tả ở trên nếu Bên vay, có tài liệu chứng minh một cách trung thực rằng Bên vay không thể hoạt động trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày kết thúc Thời hạn Cho vay ở mức độ hoạt động kinh doanh giống như trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 do tuân thủ các yêu cầu được thiết lập hoặc các hướng dẫn được ban hành từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (hoặc, các yêu cầu được thiết lập hoặc các hướng dẫn được ban hành từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 đến ngày cuối cùng của Kỳ hạn Cho vay, đối với khoản vay PPP sau ngày 27 tháng 12 năm 2020), bởi Bộ trưởng Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh, hoặc Cơ quan An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, liên quan đến việc duy trì các tiêu chuẩn vệ sinh, giãn cách xã hội hoặc bất kỳ yêu cầu nào khác về an toàn cho người lao động hoặc khách hàng liên quan đến COVID-19.
2. Bên vay được miễn khỏi bị giảm mức xóa nợ khoản vay dựa trên việc giảm số nhân viên FTE được mô tả ở trên nếu đáp ứng cả hai điều kiện sau: (a) Bên vay giảm số nhân viên FTE trong giai đoạn bắt đầu từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày 26 tháng 4 năm 2020; và (b) sau đó Bên vay đã khôi phục mức nhân viên FTE của mình về mức nhân viên FTE trong kỳ trả lương của Bên vay bao gồm cả ngày 15 tháng 12 năm 2020 và không muộn hơn (i) ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với khoản vay PPP trước ngày 27 tháng 12 năm 2020, hoặc (ii) ngày cuối cùng trong Kỳ hạn Cho vay, đối với khoản vay PPP sau ngày 27 tháng 12 năm 2020.



Chương trình Bảo vệ Tiền lương
Mẫu 3508: Đơn xin Xoá nợ Khoản vay, Sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 2021

Các tài liệu mà Bên Vay Phải Nộp cùng với Đơn Xin Xoá Nợ cho Khoản vay PPP

Mẫu đơn Tính toán Xoá nợ Khoản vay PPP

Phụ lục A của PPP

Tiền lương: Tài liệu xác minh khoản thù lao bằng tiền mặt đủ điều kiện và các khoản thanh toán phúc lợi không dùng tiền mặt từ Kỳ hạn Cho vay bao gồm những giấy tờ sau đây:

- a. Sao kê tài khoản ngân hàng hoặc báo cáo từ nhà cung cấp dịch vụ trả lương bên thứ ba cung cấp thông tin về số tiền thù lao bằng tiền mặt trả cho người lao động.
- b. Biểu thuế (hoặc báo cáo tương đương của nhà cung cấp dịch vụ trả lương bên thứ ba) cho các khoảng thời gian trùng với Kỳ hạn Cho vay:
 - i. Hồ sơ thuế quỹ lương được báo cáo, hoặc sẽ được báo cáo cho IRS (thường là Mẫu 941); và
 - ii. Báo cáo tiền lương của doanh nghiệp và người lao động hàng quý và hồ sơ thuế bảo hiểm thất nghiệp được báo cáo, hoặc sẽ được báo cáo cho tiểu bang có liên quan.
- c. Biên lai thanh toán, séc bị hủy hoặc báo cáo tài khoản ghi lại số tiền đóng góp của người sử dụng lao động cho bảo hiểm sức khỏe theo nhóm, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm thương tật, bảo hiểm nhân khoa, hoặc bảo hiểm nha khoa và các chương trình hưu trí của người lao động mà Bên vay bao gồm trong số tiền xoá nợ (mục (6) và (7) trong Danh mục A của PPP).

FTE: Các giấy tờ thể hiện (tùy theo lựa chọn của Bên vay):

- a. số lượng người lao động FTE trung bình trong bảng lương mỗi tuần được Bên vay sử dụng để làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019;
- b. số lượng người lao động FTE trung bình trong bảng lương mỗi tuần được Bên vay sử dụng để làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 29 tháng 2 năm 2020; hoặc
- c. trong trường hợp người sử dụng lao động thời vụ, số lượng người lao động FTE trung bình trong bảng lương mỗi tuần được Bên vay sử dụng để làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019; trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 15 năm 2020 đến ngày 29 tháng 2 năm 2020; hoặc bất kỳ khoảng thời gian 12 tuần liên tiếp nào từ ngày 15 tháng 2 năm 2019 đến ngày 15 tháng 2 năm 2020.

Khoảng thời gian đã chọn phải là chính là khoảng thời gian được chọn cho các mục đích hoàn thành dòng 11 Phụ lục A của PPP. Các tài liệu có thể bao gồm hồ sơ thuế quỹ lương được báo cáo, hoặc sẽ được báo cáo cho IRS (thường là Mẫu 941) và báo cáo tiền lương của doanh nghiệp và cá nhân hàng quý và hồ sơ thuế bảo hiểm thất nghiệp, hoặc sẽ được báo cáo cho tiểu bang liên quan. Tài liệu được nộp có thể bao gồm các khoảng thời gian dài hơn khoảng thời gian cụ thể.

Phi tiền lương: Đối với các danh mục a-c, tài liệu xác minh sự tồn tại của các nghĩa vụ/dịch vụ trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 và, đối với tất cả các danh mục, các khoản thanh toán đủ điều kiện từ Kỳ hạn Cho vay.

- a. Các khoản thanh toán lãi thế chấp doanh nghiệp: Bản sao danh mục khấu hao và biên lai cho vay hoặc séc bị hủy để xác minh các khoản thanh toán đủ điều kiện từ Kỳ hạn Cho vay; hoặc sao kê tài khoản bên cho vay từ tháng 2 năm 2020 và các tháng của Kỳ hạn Cho vay cho đến một tháng sau khi kết thúc Kỳ hạn Cho vay để xác minh số tiền lãi và các khoản thanh toán đủ điều kiện.
- b. Các khoản thanh toán thuê hoạt động hoặc thuê tài chính doanh nghiệp: Bản sao hợp đồng cho thuê hiện tại và biên lai hoặc séc bị hủy để xác minh các khoản thanh toán đủ điều kiện từ Kỳ hạn Cho vay; hoặc sao kê tài khoản của bên cho thuê từ tháng 2 năm 2020 và từ Kỳ hạn Cho vay cho đến một tháng sau khi kết thúc Kỳ hạn Cho vay để xác minh các khoản thanh toán đủ điều kiện.
- c. Các khoản thanh toán tiện ích doanh nghiệp: Bản sao hóa đơn từ tháng 2 năm 2020 và những hóa đơn được thanh toán trong Thời gian cho vay và biên lai, séc bị hủy hoặc sao kê tài khoản xác minh các khoản thanh toán đủ điều kiện đó.
- d. Các chi phí hoạt động được hỗ trợ: Bản sao hóa đơn hoặc đơn đặt hàng được thanh toán trong Kỳ hạn Cho vay và biên lai, séc bị hủy hoặc sao kê tài khoản xác minh các khoản thanh toán đủ điều kiện đó.
- e. Các chi phí thiệt hại tài sản được hỗ trợ: Bản sao hóa đơn hoặc đơn đặt hàng được thanh toán trong Kỳ hạn Cho vay và các biên lai, séc bị hủy hoặc bảng sao kê tài khoản xác minh các khoản thanh toán đủ điều kiện đó, và tài liệu chứng minh rằng chi phí liên quan đến thiệt hại và phá hoại hoặc cướp bóc tài sản do bạo loạn công cộng xảy ra trong năm 2020 và những chi phí đó không được bảo hiểm hoặc bồi thường khác.
- f. Các chi phí nhà cung cấp được hỗ trợ: Bản sao hợp đồng hoặc đơn đặt hàng có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào trước Kỳ hạn Cho vay (trừ hàng hóa dễ hư hỏng), bản sao hóa đơn hoặc đơn đặt hàng đã thanh toán trong Kỳ hạn Cho vay và biên lai, séc đã hủy hoặc bảng sao kê tài khoản xác minh các khoản thanh toán đủ điều kiện đó.
- g. Các chi phí bảo vệ người lao động được hỗ trợ: Bản sao hóa đơn hoặc đơn đặt hàng đã thanh toán trong Kỳ hạn Cho vay và các biên lai, séc đã hủy hoặc bảng sao kê tài khoản xác minh các khoản thanh toán đủ điều kiện đó, và tài liệu cho thấy các khoản chi tiêu đã được Bên vay sử dụng để tuân thủ hướng dẫn COVID-19 hiện hành trong Kỳ hạn Cho vay.



Chương trình Bảo vệ Tiền lương
Mẫu 3508: Đơn xin Xóa nợ Khoản vay, Sửa đổi ngày 30 tháng 7 năm 2021

Những Tài liệu mà Bên Vay Phải Giữ nhưng Không Bắt Buộc Phải Nộp

Bảng tính Phụ lục A của PPP hoặc tương đương và các giấy tờ sau đây:

- a. Tài liệu hỗ trợ việc liệt kê từng người lao động trong Bảng 1 của Bảng tính thuộc Phụ lục A của PPP, bao gồm cách tính "Mức giảm Lương/Tiền công Theo giờ", nếu cần thiết.
- b. Tài liệu hỗ trợ việc liệt kê từng người lao động trong Bảng 2 Phụ lục A của PPP; cụ thể, những người lao động được liệt kê đã nhận mức lương hàng năm hơn 100,000 đô la trong bất kỳ khoảng thời gian trả lương nào trong năm 2019.
- c. Các tài liệu liên quan đến bất kỳ lời mời và từ chối công việc nào của nhân viên, từ chối chấp nhận làm bù lại số giờ bị cắt giảm, sa thải có lý do, tự nguyện thôi việc, văn bản đề nghị của bất kỳ nhân viên nào để xin giảm lịch làm việc, và việc không thể tuyển được những nhân viên có trình độ tương tự vào ngày hoặc trước (i) ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với khoản vay PPP trước ngày 27 tháng 12 năm 2020 hoặc (ii) ngày cuối cùng của Kỳ hạn Cho vay đối với khoản vay PPP sau ngày 27 tháng 12 năm 2020.
- d. Giấy tờ chứng minh cho việc xác nhận, nếu có, rằng Bên vay không thể hoạt động trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày kết thúc Thời hạn Cho vay ở mức độ hoạt động kinh doanh giống như trước ngày 15 tháng 2 năm 2020 do tuân thủ các yêu cầu được thiết lập hoặc các hướng dẫn được ban hành từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (hoặc, các yêu cầu được thiết lập hoặc các hướng dẫn được ban hành từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 đến ngày cuối cùng của Kỳ hạn Cho vay, đối với khoản vay PPP sau ngày 27 tháng 12 năm 2020), bởi Bộ trưởng Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh, hoặc Cơ quan An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, liên quan đến việc duy trì các tiêu chuẩn vệ sinh, giãn cách xã hội hoặc bất kỳ yêu cầu nào khác về công việc hoặc an toàn của khách hàng liên quan đến COVID-19. Tài liệu này phải bao gồm bản sao của các quy định hiện hành áp dụng cho từng địa điểm của bên vay và hồ sơ tài chính có liên quan của bên vay.
- e. Tài liệu hỗ trợ Bảng tính thuộc Phụ lục A của PPP "Quy định 2 về Bến cảng An toàn dành cho Mức giảm FTE.

Tất cả các hồ sơ liên quan đến khoản vay PPP của Bên vay, bao gồm tài liệu được gửi cùng với đơn xin vay PPP, tài liệu hỗ trợ các chứng nhận của Bên vay về sự cần thiết của yêu cầu vay và khả năng đủ điều kiện cho khoản vay PPP (bao gồm chứng nhận giảm tổng thu của Bên vay đối với khoản vay PPP Đợt Hai, nếu có), tài liệu cần thiết để hỗ trợ cho đơn xin xóa nợ cho khoản vay của Bên vay và tài liệu chứng minh sự tuân thủ nghiêm chỉnh của Bên vay với các yêu cầu của PPP.

Yêu cầu về Lưu giữ Hồ sơ: Bên vay phải giữ lại tất cả các tài liệu đó trong các hồ sơ của mình trong sáu năm sau ngày khoản vay được xóa nợ hoặc hoàn trả đầy đủ, và cho phép các đại diện được ủy quyền của SBA, bao gồm cả đại diện của Văn phòng Tổng thanh tra tiếp cận các tài liệu theo như được yêu cầu. Bên vay phải cung cấp tài liệu một cách độc lập cho bên cho vay để đáp ứng các yêu cầu liên quan của Liên bang, Tiểu bang, địa phương hoặc các luật định hoặc quy định khác hoặc liên quan đến việc đánh giá hoặc kiểm toán khoản vay của SBA.